TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 12 năm 2017
V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Bà **Lương Thị Phương**

Thư ký Tòa án nhân dân quận B ghi biên bản phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Thùy Linh** – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Văn Hòa** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **522**/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2017/QĐST- HPT ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Tú A, sinh năm 1994; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: P Phố V), phường Ch, quận H, thành phố Hà Nội (có mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở trước khi biệt tích: Số X phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (vắng mặt lần hai liên tiếp không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Bùi Tú A và Anh Nguyễn Tiến T có tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 27 tháng 11 năm 2014 tại UBND phường Ch, quận H, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi xảy ra mâu thuẫn thì Anh T bỏ nhà đi không ai biết. Tòa án nhân dân quận B đó tiến hành thông báo tìm kiếm vắng mặt nơi cư trú đối với Anh T nhưng từ đó đến nay không có tin tức gì của Anh T. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình nội ngoại có biết mâu thuẫn của vợ chồng và có giảng hòa để tiếp tục cuộc sống gia đình nhưng không có kết quả. Nay Chị Tú A

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2014. Khi ly hôn Chị Tú A có nguyện vọng nuôi con chung không yêu cầu Anh T phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nhà ở: Chị Tú A xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Chị Tú A xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập ghi lời khai và tham gia phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các tống đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thực hiện nguyên tắc hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 1 Điều 205; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 208; Điều 209; Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo qui định tại Điều 63; Điều 226 và chương II Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 42; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và giao con chung cho Chị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Tú A và Anh Nguyễn Tiến T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn và Anh T đã bỏ đi không ai biết. Trước khi làm đơn xin ly hôn, Chị Bùi Tú A đã có đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với Anh T tại Tòa án nhân dân quận B. Ngày 13 tháng 4 năm 2017 Tòa án nhân dân quận B đã ra quyết định số: 07/2017/QĐST-ST quyết định chấp nhận đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú và thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với Anh T. Vì vậy, Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị Bùi Tú A và Anh Nguyễn Tiến T là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 11 năm 2014 tại UBND phường Ch, quận H, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra thì gia đình hai bên có biết có khuyên giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả và kể từ thời điểm năm 2015 Anh T bỏ nhà đi không ai biết tin tức gì từ đó đến nay. Anh T không liên lạc gì với Chị Tú A và gia đình. Chị Tú A cũng đã chủ động đi tìm kiếm tin tức của Anh T qua người thân, bạn bè nhưng không ai biết tin tức của Anh T. Chị Tú A đã phát tin trên đài tiếng nói Việt Nam ba ngày liên tiếp và đăng thông báo tìm kiếm trên báo Nhân dân ba số liên tiếp ba kỳ ngày 21, 22, 23/4/2017 theo quyết định của Tòa án nhưng từ đó đến nay không có tin tức gì của Anh T. Nay Chị Tú A xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa phương nơi cư trú cuối cùng trước khi Anh T biệt tích, tuy nhiên Anh T vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành ghi lời khai và hòa giải được cho anh chị. Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án cũng tiến hành ghi ý kiến gia đình của bố mẹ đẻ Chị Tú A là bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Minh T cho biết: Cháu Bùi Tú A và cháu Nguyễn Tiến T có tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2014. Trong quá trình hai cháu chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do các cháu bất đồng về quan điểm và cách sống. Khi mâu thuẫn căng thẳng cháu T đã bỏ. Hiện nay không ai biết cháu T đang ở đâu và cháu T cũng không về nhà chúng tôi nữa, gia đình và cháu Tú A cố gắng liên lạc, tìm kiếm nhưng không có kết quả gì. Xác định tình cảm không còn nên cháu Tú A có yêu cầu xin ly hôn với cháu T, gia đình chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu Tú A được ly hôn cháu T. Cháu Tú A và cháu T có một con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 31/7/2014. Khi ly hôn cháu Tú A có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cháu T đóng góp tiền nuôi con do hiện nay cháu Tú A không biết cháu T đang ở đâu. Gia đình chúng tôi sẽ tạo mọi điều kiện để mẹ con cháu Tú A sống tại gia đình chúng tôi. Về tài sản chung và nhà ở của cháu Tú A và cháu T theo như chúng tôi được biết là không có. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ cháu Tú A và cháu T và hai cháu cũng không vay nợ gia đình chúng tôi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T bỏ nhà đi từ năm 2014 cho đến nay, không có tin tức gì cho gia đình, không liên lạc gì với gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử cho Chị Tú A được ly hôn Anh T là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2014. Khi ly hôn Chị Tú A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và hiện nay Chị Tú A không biết Anh T đang ở đâu nên không yêu cầu Anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nhà ở: Chị Tú A xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nhà ở gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về khoản nợ: Chị Tú A xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm xét xử của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tú A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Tú A, Anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; khoản 4 Điều 147; các Điều 203; 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị Bùi Tú A;

Chị Bùi Tú A được ly hôn với Anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2014 cho Chị Tú A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với Anh T cho đến khi Chị Tú A có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Nguyễn Tiến T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở: Chị Tú A xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Chị Tú A xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Tú A phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số **7662** ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, Chị Tú A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21 tháng 12 năm 2017. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi Anh Nguyễn Tiến T cư trú cuối cùng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi Cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường Ch, quận H, thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*